

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV
(Nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016



TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV
(Nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần
Địa chỉ: Số 12 Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016.

Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016, gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Quý Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Sơn	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên
Ông Đinh Xuân Hán	Thành viên
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Đức Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sơn	Phó Tổng giám đốc
Ông Đinh Xuân Hán	Phó Tổng giám đốc

Từ ngày 08/12/2016 Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ Phần và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch
Ông Đinh Xuân Hán	Thành viên
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên
Ông Trần Anh Vương	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Đinh Xuân Hán	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 08/12/2016)
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 16/02/2017)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính báo cáo trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV
(Nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần)



Đình Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2017

Số: -17/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV
(Nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV (Nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần) (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 11/4/2017, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 07/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư vào Công ty TNHH Codupha Lào là Công ty con của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (tỷ lệ sở hữu 62,17%). Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty con nêu trên đang được Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016 theo phương pháp giá gốc. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016 của Tổng Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016 ghi nhận giá trị chênh lệch khi thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo dự thảo chứng thư thẩm định giá ngày 06/03/2017 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC vào Thu nhập khác với giá trị 190.462.447.887 đồng và ghi nhận giá trị lợi ích nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 ngày 07/07/2010 giữa Tổng Công ty Dược Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVC - Vinapharm" tại 60B Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo dự thảo chứng thư thẩm định giá số ngày 28/02/2017 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC vào Chênh lệch đánh giá lại tài sản với giá trị 60.000.000.000 đồng. Các giá trị này chưa được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về vấn đề này cũng như những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 07/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 07 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
			07/12/2016	01/01/2016
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.640.169.933.554	4.327.496.396.947
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	973.163.120.602	914.051.467.410
1. Tiền	111		149.763.120.602	138.051.467.410
2. Các khoản tương đương tiền	112		823.400.000.000	776.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	422.971.312.461	195.858.760.060
1. Chứng khoán kinh doanh	121		24.771.312.461	24.858.760.060
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		398.200.000.000	171.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.934.237.939.124	1.806.365.301.811
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	1.641.950.435.564	1.500.134.441.256
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	27.805.227.272	23.231.165.740
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	270.716.664.092	283.823.592.849
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.234.387.804)	(824.470.127)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	572.093
IV. Hàng tồn kho	140	V.6.	1.281.261.031.650	1.380.532.894.830
1. Hàng tồn kho	141		1.281.261.031.650	1.380.532.894.830
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.536.529.717	30.687.972.836
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	2.769.848.580	3.270.053.204
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.689.415.560	16.508.374.637
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13.	4.077.265.577	10.909.544.995
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.257.540.392.495	2.457.717.609.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		215.219.328	985.485.416
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	783.198.358
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	215.219.328	202.287.058
II. Tài sản cố định	220		251.516.315.754	437.106.974.471
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8.	163.809.207.709	398.290.369.497
- Nguyên giá	222		378.973.333.590	708.203.409.709
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(215.164.125.881)	(309.913.040.212)
3. TSCĐ vô hình	227	V.9.	87.707.108.045	38.816.604.974
- Nguyên giá	228		91.174.697.419	42.278.974.348
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.467.589.374)	(3.462.369.374)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		87.467.127.666	43.752.466.683
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7.	87.467.127.666	43.752.466.683
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	1.850.945.414.672	1.899.544.730.688
1. Đầu tư vào Công ty con	251		16.587.396.125	15.924.837.849
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		1.295.544.476.337	1.636.307.937.019
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		538.813.542.210	247.311.955.820
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		67.396.315.075	76.327.951.892
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	67.396.315.075	76.327.951.892
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.897.710.326.049	6.785.214.006.097

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 07 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính : VND	
			07/12/2016	01/01/2016
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		3.226.959.344.349	3.266.791.679.352
I. Nợ ngắn hạn	310		3.171.808.999.901	3.182.357.417.491
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	1.423.986.949.212	1.468.407.136.482
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	102.153.050.572	103.023.294.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	6.618.457.360	24.221.508.486
4. Phải trả người lao động	314		19.010.259.669	12.744.877.840
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	19.548.350.141	6.025.687.078
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.259.198.472	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	404.205.400.450	311.731.449.343
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.	1.184.834.777.086	1.241.766.578.574
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.192.556.939	14.436.884.788
II. Nợ dài hạn	330		55.150.344.448	84.434.261.861
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	3.798.864.153
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15.	205.125.842	685.125.842
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.	53.400.000.000	78.405.053.260
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.545.218.606	1.545.218.606
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.670.750.981.700	3.518.422.326.745
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	3.670.750.981.700	3.518.422.326.745
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		449.745.834.089	449.174.284.089
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		894.128.802.838	834.128.802.838
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		587.742.361.917	628.608.137.377
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		723.817.704.455	669.615.012.991
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		831.831.108.493	906.732.027.974
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		293.139.326.677	610.067.561.564
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		538.691.781.816	296.664.466.410
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		183.485.169.908	30.164.061.476
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+430)	440		6.897.710.326.049	6.785.214.006.097

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2017

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV
 (Nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần)

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng

Trưởng Giám đốc



Đinh Xuân Hân

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	6.122.122.112.652	7.380.800.481.020
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19	86.011.793.733	99.682.874.460
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.036.110.318.919	7.281.117.606.560
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	5.487.031.729.389	6.606.451.983.816
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		549.078.589.530	674.665.622.744
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	344.973.252.472	229.364.314.361
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	102.388.882.331	165.637.259.297
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		66.643.262.368	93.805.081.029
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VIII.3.1	137.462.610.249	173.993.037.852
8. Chi phí bán hàng	25	VI.25	329.182.386.085	361.104.910.941
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.25	115.902.801.987	187.972.211.866
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		484.040.381.848	363.308.592.853
11. Thu nhập khác	31	VI.23	200.267.159.079	16.001.729.960
12. Chi phí khác	32	VI.24	3.899.747.513	3.964.216.664
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		196.367.411.566	12.037.513.296
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		680.407.793.414	375.346.106.149
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		18.571.476.875	25.328.764.469
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		661.836.316.539	350.017.341.680
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		641.634.210.844	346.519.049.932
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		20.202.105.695	3.498.291.748

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2017

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV
(Nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần)

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Thúy

Nguyễn Thị Hằng

Tổng Giám đốc



Đình Xuân Hân

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ THUYẾT MINH	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Đơn vị tính: VND Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	680.407.793.414	375.346.106.149
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	34.442.522.870	33.219.951.314
- Các khoản dự phòng	03	5.409.917.677	(7.080.728.128)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(549.198.981)	5.167.164.944
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(321.778.414.466)	(185.585.318.076)
- Chi phí lãi vay	06	66.643.262.368	93.805.081.029
- Các khoản điều chỉnh khác	07	57.606.895.524	(113.536.890.258)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	522.182.778.406	201.335.366.974
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(201.096.196.531)	97.798.258.097
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(62.270.990.373)	45.576.310.773
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(197.551.862.849)	(32.588.279.614)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.986.187.482	(3.245.176.385)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	87.447.599	(24.858.760.060)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(66.605.659.965)	(86.828.071.555)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.247.815.792)	(18.255.141.040)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(38.709.875.302)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(62.225.987.325)	178.934.507.189
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(53.213.490.910)	(70.195.969.399)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	155.500.000	176.045.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(363.200.000.000)	(2.283.198.358)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	173.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.374.990.000)	(163.527.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	40.216.814.269	126.654.839.030
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	313.156.608.860	177.294.543.230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	78.240.442.219	68.119.259.958
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.180.794.815.213	4.242.426.018.693
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.049.255.937.378)	(4.268.852.615.732)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(86.334.198.874)	(66.188.108.575)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>45.204.678.961</i>	<i>(92.614.705.614)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		61.219.133.855	154.439.061.534
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		914.051.467.410	764.779.570.820
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.107.480.663)	(5.167.164.944)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.01	973.163.120.602	914.051.467.410

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2017

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV
 (Nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần)

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng

Tổng giám đốc



Đinh Xuân Hân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tên viết tắt là VINAPHARM tiền thân là Tổng Công ty Dược Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 467b/BYT-QĐ ngày 30/3/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo Quyết định số 2335/QĐ-BYT ngày 30/6/2010, Tổng Công ty chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH Một thành viên và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0100109385 ngày 27/01/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty có 4 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV thay đổi lần thứ 4 ngày 03/08/2015 thì vốn Điều lệ của Tổng Công ty là **1.338.544.248.430** đồng (Một nghìn ba trăm ba mươi tám tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dược phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: bán buôn thuốc, bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: chuyển giao công nghệ;
- Sản xuất thực phẩm khác: thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- Bán buôn, chuyên doanh khác: kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ thuốc và dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quảng cáo; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in; Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bán buôn thực phẩm: kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Bán buôn thiết bị, máy móc và phụ tùng máy khác: chi tiết máy móc và thiết bị y tế;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì giấy và bìa;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- ...

Trụ sở chính đặt tại: Số 12 Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2013 và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần kể từ ngày 08/12/2016. Căn cứ Điều 9, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần quy định: Báo cáo tài chính lập tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa không phải trích lập dự phòng các khoản giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; không phải trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định. Do vậy, Công ty mẹ - Tổng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho các nội dung này trong kỳ báo cáo đến ngày 07/12/2016.

6. Cấu trúc Doanh nghiệp**a) Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân****Thông tin về đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:**

- Trung tâm dịch vụ thương mại Dược mỹ phẩm

Địa chỉ: số nhà 95 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Mã số Chi nhánh: 0100109385-001

Thông tin về đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển khoa học công nghệ Dược

Địa chỉ: 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam

Địa chỉ: 126A Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế của phòng đại diện: 0100109385-002

b) Danh sách các công ty con, công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 7/12/2016 như sau:

1. Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1

- Địa chỉ: Số 356A, Đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

- Hoạt động chính: Kinh doanh thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực dược phẩm.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65,406%

- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65,406%

2. Công ty CP Dược phẩm Trung ương Codupha

- Địa chỉ: Số 334, Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

- Hoạt động chính: Kinh doanh thương mại trong lĩnh vực thực phẩm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Công ty CP Dược Trung ương 3
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 66,352%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 66,352%
 - Địa chỉ: Số 115, Ngô Gia Tự, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
 - Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65,00%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65,00%

Thông tin chi tiết về công ty con chưa được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 7/12/2016 như sau:

1. Công ty TNHH Codupha Lào (là Công ty con của Công ty Cổ phần dược phẩm Trung ương Codupha)
- Địa chỉ: Số 253 đường Vieng Chaluen, quận Saysetta, thủ đô Vientiane, Lào
 - Hoạt động chính: kinh doanh dược phẩm
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 62,172%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 62,172%
 - Lý do: Chưa thu thập được báo cáo tài chính

Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh vào trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

1. Công ty CP Dược Danapha
- Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Đà Nẵng
 - Hoạt động chính: Sản xuất và thương mại
 - Tỷ lệ phần sở hữu: 29,86%
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 29,86%
2. Công ty CP Dược phẩm Sanofi - Synthelabo
- Địa chỉ: Số 10 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Hoạt động chính: Sản xuất và thương mại
 - Tỷ lệ phần sở hữu: 30,00%
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30,00%
3. Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
- Địa chỉ: Số 4 đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
 - Hoạt động chính: Sản xuất và thương mại
 - Tỷ lệ phần sở hữu: 23,75%
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 23,75%
4. Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3
- Địa chỉ: Số 16, Đường Lê Đại Hành, Hồng Bàng, Hải Phòng
 - Hoạt động chính: Sản xuất và thương mại
 - Tỷ lệ phần sở hữu: 24,82%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- | | |
|---|---|
| 5. Công ty CP Dược Danapha - Nanosome | <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24,82% - Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ, Thanh Khê, Đà Nẵng - Hoạt động chính: Sản xuất và thương mại - Tỷ lệ phần sở hữu: 25,00% - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25,00% |
| 6. Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 9 Trần Thánh Tông, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội - Hoạt động chính: Sản xuất và thương mại - Tỷ lệ phần sở hữu: 27,13% - Tỷ lệ quyền biểu quyết : 27,13% |
| 7. Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 138 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội - Hoạt động chính: Thương mại và dịch vụ - Tỷ lệ phần sở hữu: 43,65% - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 43,65% |
| 8. Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25 | <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 120 Hai Bà Trưng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh - Hoạt động chính: Sản xuất và thương mại - Tỷ lệ phần sở hữu: 28,43% - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 28,43% |
| 9. Công ty CP Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco | <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 160 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội - Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh dược phẩm - Tỷ lệ phần sở hữu 31,67% - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 31,67% |

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số I.5. của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016, do vậy, các số liệu, thông tin, dữ liệu tương ứng được trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016 là các số liệu, thông tin, dữ liệu không mang tính so sánh được.

I. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016 là kỳ hoạt động cuối cùng của Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV trước khi chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

II. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính được lập cho đến ngày 07/12/2016 của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Riêng Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Codupha Lào là Công ty con của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha chưa được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tổng Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Tổng Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

III. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng nơi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng nơi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền của Tổng Công ty là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm 07/12/2016, Tổng Công ty không có chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản hợp tác kinh doanh có thời hạn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày thực hiện hợp tác kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Thu nhập được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc và có điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần (07/12/2016) giá trị các khoản đầu tư này được xác định lại theo hướng dẫn tại các văn bản về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tại thời điểm 07/12/2016, Tổng Công ty không có các khoản cho vay khó đòi phải trích lập dự phòng.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Theo đó Tổng Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo Biên bản xác định giá trị doanh đã được Bộ Y tế phê duyệt.

Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc và có điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần (07/12/2016) giá trị các khoản đầu tư này được xác định lại theo hướng dẫn tại các văn bản về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Giá trị này có thể thay đổi theo quyết định theo quyết định của các cơ quan chức năng có thẩm quyền

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Tại ngày 07/12/2016, Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại ngày 07/12/2016, Số dư dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là số dự phòng tại các công ty con là các Công ty Cổ phần. Riêng Công ty mẹ - Tổng Công ty đang trong quá trình cổ phần hóa không phải trích lập dự phòng khoản công nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại điều 10, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển Doanh nghiệp 100% Vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 07/12/2016, Tổng Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**6.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Tổng công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 25
- Phương tiện vận tải	08 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 05

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Thiết bị dụng cụ quản lý

03 - 05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Theo đó Tổng Công ty thực hiện đánh giá lại nguyên giá và giá trị hao mòn theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp đã được Bộ Y tế phê duyệt.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất và Phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Quyền sử dụng đất
- Phần mềm kế toán

40 - 50

3

7. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đầu tư xây dựng các công trình phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Riêng Chi phí xây dựng cơ bản bao gồm giá trị lợi ích Tổng Công ty nhận được từ Dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng được ước tính trên cơ sở giá trị nhận được từ việc hợp tác kinh doanh phát triển dự án "Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVC - Vinapharm" tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần theo quy định hiện hành. Giá trị này có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, tiền thuê đất và Lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước là khoản công cụ dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế kinh doanh theo biên bản xác định doanh nghiệp sẽ phân bổ khi chính thức chuyển sang công ty Cổ phần trong thời gian không quá 10 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua gồm cả các khoản phải trả cho công ty liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Tổng Công ty đánh giá lại theo tỷ giá nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản chi phí lãi vay phải trả, chi phí chiết khấu, chi phí nhập khẩu phải trả và các khoản chi phí khác.

Khoản chi phí chiết khấu bán hàng được xác định theo tỷ lệ chiết khấu theo quy định tương ứng với doanh thu bán hàng của từng tháng.

Chi phí lãi vay được tính trên cơ sở hợp đồng vay (lãi suất vay, thời hạn vay) và số dư gốc của khoản tiền vay.

Các khoản chi phí khác phải trả khác được ghi nhận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty là doanh thu nhận trước về bán thuốc cho Bộ Y tế nhằm mục đích dự trữ quốc gia được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo các Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt. Riêng chênh lệch khi ghi nhận giá trị lợi ích nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 ngày 07/07/2010 giữa Tổng Công ty Dược Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVC - Vinapharm" tại địa điểm 60B Nguyễn Huy Tường, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá trị 60.000.000.000 đồng theo dự thảo chứng thư thẩm định giá ngày 28/02/2017 của Công ty hãng kiểm toán AASC. Giá trị này có thể thay đổi khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, cho thuê địa điểm, và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại lập của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

Doanh thu từ lãi tiền gửi, lợi nhuận hợp tác kinh doanh, được ghi nhận trên cơ sở thời gian, lãi suất và lợi nhuận hợp tác thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác"

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các thông báo trả cổ tức của các công ty cổ phần phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được ghi nhận bằng số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng quyền mua cổ phần được ghi nhận trên số tiền thực nhận thông qua hoạt động đấu giá quyền mua cổ phần, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ nước được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái....

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

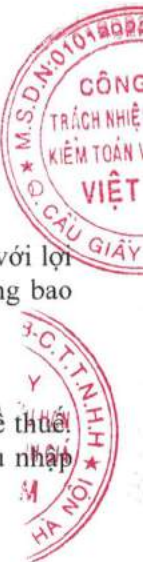
Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền	149.763.120.602	138.051.467.410
Tiền mặt tại quỹ	7.295.666.775	10.928.165.865
Tiền gửi ngân hàng	142.467.453.827	125.021.039.351
Tiền đang chuyển	-	2.102.262.194
Các khoản tương đương tiền (i)	823.400.000.000	776.000.000.000
Cộng	973.163.120.602	914.051.467.410

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Phải thu của khách hàng

	07/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Công ty TNHH Dược phẩm và Thương mại Việt Áo	-	-	19.187.963.299	-
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	36.094.517.499	-	-	-
Bệnh viện Ung Bướu	20.242.419.975	-	15.785.813.798	-
Công ty TNHH Thiết bị y tế Thành Công	49.417.794.932	-	36.844.659.432	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.528.137.990	-	28.109.125.865	-
Bệnh viện Tim Hà Nội	13.769.141.213	-	16.521.328.699	-
Bệnh viện Bạch Mai	38.241.207.335	-	23.973.499.090	-
Công ty CP Dược Phẩm Hiệp Bách Niên	33.783.208.237	-	38.855.158.191	-
Công ty TNHH Thương mại Dược Thuận Gia	18.259.483.372	-	16.131.204.797	-
Bệnh viện Chợ Rẫy	35.762.601.355	-	35.184.182.884	-
Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	21.377.510.517	-	5.159.168.579	-
Bệnh viện Bạch Mai	30.331.437.728	-	40.407.796.831	-
Bệnh viện Trung Ương Huế	27.934.494.488	-	9.195.767.124	-
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	22.709.352.950	-	20.430.435.607	-
Bệnh viện K	15.604.979.691	-	4.745.573.370	-
Đối tượng khác	1.275.894.148.282	6.234.387.804	1.189.602.763.690	824.470.127
Cộng	1.641.950.435.564	6.234.387.804	1.500.134.441.256	824.470.127

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	07/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị cổ phiếu	22.827.967.397	24.771.312.461	22.416.500.000	22.492.566.398
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPCI - Hà Nội (*)	20.443.659.675	20.443.659.675	20.000.000.000	20.076.066.398
Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar	2.384.307.722	2.384.307.722	2.416.500.000	2.416.500.000
Các khoản đầu tư khác	1.943.345.064	1.943.345.064	2.314.000.000	2.366.193.662
Cộng	24.771.312.461	24.771.312.461	24.730.500.000	24.858.760.060

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm CPCI - Hà Nội là khoản đầu tư vào Công ty liên kết. Tuy nhiên, Tổng Công ty xác định sẽ bán khoản đầu tư này trong năm tài chính tiếp theo nên khoản đầu tư này sẽ được trình bày ở chi tiêu Chứng khoán kinh doanh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 07/12/2016.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	07/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
Ngắn hạn	398.200.000.000	398.200.000.000	171.000.000.000	171.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	258.200.000.000	258.200.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản đầu tư khác	140.000.000.000	140.000.000.000	165.000.000.000	165.000.000.000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	140.000.000.000	140.000.000.000	165.000.000.000	165.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW2 - Dopharma	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược TW Medipharco - Tenamyd	20.000.000.000	20.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược TW 25	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	398.200.000.000	398.200.000.000	171.000.000.000	171.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	07/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
- Đầu tư vào công ty con	16.587.396.125	-	15.924.837.849	-
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha Lào(*)	16.587.396.125	-	15.924.837.849	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.295.544.476.337	-	1.636.307.937.019	-
Công ty Cổ phần Hóa dược phẩm Mekophar	-	-	287.420.560.760	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	511.324.352.885	-	401.143.916.056	-
Công ty CP Bao bì Dược	-	-	21.299.530.843	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidiapha	-	-	118.350.401.693	-
Công ty Cổ phần Dược Danapha	122.573.054.059	-	109.268.425.818	-
Công ty Cổ phần Dược Sanofi - Synthelabo	426.842.219.291	-	581.662.948.133	-
Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome	4.103.814.464	-	4.017.733.953	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	57.564.008.721	-	29.321.158.788	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	12.808.568.284	-	17.136.985.174	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	24.298.742.244	-	21.973.039.774	-

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	53.611.847.331	-	53.611.847.331	44.713.236.026	-	44.713.236.026
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1-Pharbacor	82.417.869.058	-	82.417.869.058	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	538.813.542.210	-	538.813.542.210	247.311.955.820	-	247.311.955.820
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	142.506.000.000	-	142.506.000.000	137.162.025.000	-	137.162.025.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	5.035.161.627	-	5.035.161.627	4.686.108.540	-	4.686.108.540
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd	9.862.555.500	-	9.862.555.500	5.579.173.137	-	5.579.173.137
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	12.641.174.781	-	12.641.174.781	11.227.865.390	-	11.227.865.390
Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex	48.974.823.000	-	48.974.823.000	29.068.927.200	-	29.068.927.200
Công ty Cổ phần Y dược phẩm Việt	19.917.159.802	-	19.917.159.802	16.341.853.127	-	16.341.853.127
Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Tuyên Quang	-	-	472.484.723	483.090.951	-	483.090.951
Công ty Cổ phần Dược phẩm VCổ	-	-	-	6.481.153.380	-	6.481.153.380
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	3.520.408.664	-	3.520.408.664	3.780.000.000	-	3.780.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	3.562.053.367	-	3.562.053.367	5.284.469.052	-	5.284.469.052
Công ty Cổ phần Dược liệu Trung	32.636.667.071	-	32.636.667.071	27.217.290.043	-	27.217.290.043
Công ty Cổ phần Hoà - Dược phẩm Mekophar	169.364.479.687	-	169.364.479.687	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha	50.065.057.307	-	50.065.057.307	-	-	-

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV
 (Nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần
 Địa chỉ: Số 12 Ngõ Tắt Tó, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
 đến 07/12/2016

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty Cổ phần Bao bì Dược	11.255.516.681	-	11.255.516.681	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương	29.000.000.000	-	29.000.000.000	-
Cộng	1.850.945.414.672	-	1.850.945.414.672	1.899.544.730.688

(*) Tổng Công ty chưa thực hiện việc hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con - Công ty TNHH Codupha Lào là Công ty con của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (tỷ lệ góp vốn 62,17%).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	27.805.227.272	23.231.165.740
Sung Kwang Pharm Co., Ltd.	1.313.492.760	4.092.345.600
Techno Drugs Ltd.,	2.069.919.600	3.233.086.190
Growena Impex Company	-	2.132.920.000
Health 2000 Inc	1.224.029.400	1.211.088.120
Công ty CP Thiết bị y tế Hoàng An	1.561.793.719	1.141.426.113
Nitin Lifesciences Limited	1.340.003.700	-
Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	1.716.334.464	-
Các đối tượng khác	18.579.653.629	11.420.299.717
Cộng	27.805.227.272	23.231.165.740

5. Phải thu khác

	07/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	270.716.664.092	-	283.823.592.849	-
- Bảo hiểm xã hội	32.868.688	-	342.430.582	-
- Phải thu về cổ phần hoá	22.646.202.089	-	701.901.849	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	16.514.286.754	-	8.274.147.315	-
- Tạm ứng	3.738.623.242	-	5.588.573.292	-
- Ký cược, ký quỹ	11.876.309.089	-	8.550.348.733	-
- Thuế ủy thác nộp hộ	6.528.558.868	-	4.000.645.416	-
- Phải thu khác	181.005.729.242	-	239.336.340.180	-
+ Dự thu lãi Ngân hàng	6.742.228.889	-	6.251.342.778	-
+ Phải thu chi phí bù thầu	8.962.640.638	-	22.020.173.845	-
+ Phải thu tiền hàng ủy thác	165.300.859.715	-	211.064.823.557	-
+ Các khoản phải thu khác	28.374.086.120	-	17.029.205.482	-
b) Dài hạn	215.219.328	-	202.287.058	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	198.321.808	-
- Phải thu khác	215.219.328	-	3.965.250	-
Cộng	270.716.664.092	-	283.823.592.849	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Hàng tồn kho

	07/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.963.990.149	-	6.878.818.359	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.029.209.335	-	85.526.771.805	-
Công cụ, dụng cụ	208.544.544	-	1.557.437.478	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.098.584.480	-	11.780.045.937	-
Thành phẩm	10.956.929.198	-	63.056.048.970	-
Hàng hoá	1.133.375.058.375	-	1.141.996.040.733	-
Hàng hoá kho ứu thác	115.628.715.569	-	69.737.731.548	-
Cộng	1.281.261.031.650	-	1.380.532.894.830	-

7. Tài sản dở dang dài hạn

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	87.467.127.666	43.752.466.683
Xây dựng cơ bản	87.467.127.666	43.752.466.683
Dự án Đầu tư tòa nhà Văn phòng tại 178 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh	975.342.242	677.546.787
Cải tạo Trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty tại số 12 Ngô Tất Tố	7.293.460.177	-
Giá trị lợi ích nhận được từ Dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng (*)	60.000.000.000	-
Quyền sử dụng đất thuê và công trình gắn liền với đất tại KCN Lê Minh Xuân	210.000.000	36.810.000.000
Chương trình phần mềm	1.270.575.000	512.325.000
Văn phòng 87 Nguyễn Văn Trỗi	16.975.963.247	5.663.594.896
Các công trình khác	741.787.000	89.000.000
Cộng	87.467.127.666	43.752.466.683

(*) Giá trị lợi ích nhận được từ Dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng được ước tính trên cơ sở giá trị nhận được từ hợp tác kinh doanh phát triển dự án "Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV - Vinapharm" tại địa chỉ số 60B Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 ngày 07/07/2010 giữa Tổng Công ty Dược Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC theo dự thảo chứng thư thẩm định giá ngày 28/02/2017 của Công ty hãng kiểm toán AASC. Giá trị này có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2016	338.483.477.719	308.889.712.617	54.843.011.903	5.929.400.007	57.807.463	708.203.409.709	
- Mua trong kỳ	13.928.238.743	4.321.880.474	1.080.318.181	300.019.786	-	19.630.457.184	
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	7.365.564.546	-	-	-	-	7.365.564.546	
- Tăng khác (i)	207.064.649	149.357.133	-	14.733.612	-	371.155.394	
- Thanh lý, nhượng bán	(311.803.636)	-	(654.214.100)	-	-	(966.017.736)	
- Giảm khác (i)	(108.051.005.435)	(239.370.564.656)	(7.455.538.799)	(754.126.617)	-	(355.631.235.507)	
Số dư ngày 07/12/2016	251.621.536.586	73.990.385.568	47.813.577.185	5.490.026.788	57.807.463	378.973.333.590	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2016	147.259.154.553	126.748.135.744	31.648.675.843	4.199.266.609	57.807.463	309.913.040.212	
- Khấu hao trong kỳ	18.503.034.762	8.199.365.470	7.027.892.553	692.558.221	14.451.864	34.437.302.870	
- Tăng do điều chuyển	-	-	-	-	-	-	
- Tăng khác	310.083.740	43.607.280	142.736.317	-	-	496.427.337	
- Thanh lý, nhượng bán	(218.262.545)	-	(515.193.602)	-	-	(733.456.147)	
- Giảm khác	(27.374.706.306)	(96.399.078.445)	(4.575.165.896)	(556.882.154)	(43.355.590)	(128.949.188.391)	
Số dư ngày 07/12/2016	138.479.304.204	38.592.030.049	33.728.945.215	4.334.942.676	28.903.737	215.164.125.881	
Giá trị còn lại							
- Tại ngày 01/01/2016	191.224.323.166	182.141.576.873	23.194.336.060	1.730.133.398	-	398.290.369.497	
- Tại ngày 07/12/2016	113.142.232.382	35.398.355.519	14.084.631.970	1.155.084.112	28.903.726	163.809.207.709	

(i) Tăng khác, giảm khác là phần hân loại lại tài sản và giảm nguyên giá, hao mòn lũy kế của các công ty năm 2015 là công ty con nhưng kỳ này là công ty liên kết và các khoản phân loại lại giữa các khoản mục tài sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá			
- Số dư ngày 01/01/2016	38.816.604.974	3.462.369.374	42.278.974.348
- Mua trong kỳ	48.895.723.071	-	48.895.723.071
- Số dư ngày 07/12/2016	87.712.328.045	3.462.369.374	91.174.697.419
Giá trị hao mòn lũy kế			
- Số dư ngày 01/01/2016	2.478.098.523	984.270.851	3.462.369.374
- Khấu hao trong kỳ	5.220.000	-	5.220.000
- Số dư ngày 07/12/2016	2.483.318.523	984.270.851	3.467.589.374
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2016	36.338.506.451	2.478.098.523	38.816.604.974
- Tại ngày 07/12/2016	85.229.009.522	2.478.098.523	87.707.108.045

10. Chi phí trả trước

	07/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	2.769.848.580	3.270.053.204
Cộng cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác	1.163.895.879	3.200.273.204
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	288.334.519	69.780.000
Phí thuê nhà, thuê kho	1.317.618.182	-
b) Dài hạn	67.396.315.075	76.327.951.892
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.262.591.458	7.602.253.509
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.897.335.673	988.594.145
Lợi thế kinh doanh	56.377.717.216	63.320.345.254
Tiền thuê đất	3.858.670.728	4.416.758.984
Cộng	70.166.163.655	79.598.005.096

11. Phải trả người bán

	07/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp	27.125.802.345	27.125.802.345	3.908.831.309	3.908.831.309
Shubham Pharmachem Private Limited	22.736.782.731	22.736.782.731	-	-
Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	38.397.477.955	38.397.477.955	29.922.261.843	29.922.261.843
Growena Impex Copany	18.090.084.826	18.090.084.826	-	-
Saga Laboratories	19.397.976.910	19.397.976.910	11.190.505.892	11.190.505.892

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Human BioPlazma Manufacturing and Trading Limited Liability Company			-	100.324.589.804	100.324.589.804
Jw Pharmaceutical Corporation	79.249.045.980	79.249.045.980		91.002.159.459	91.002.159.459
Apc Pharma.& Chemical Ltd.	56.036.674.688	56.036.674.688		79.677.798.467	79.677.798.467
MDC Marketing services	53.324.950.260	53.324.950.260		42.240.973.781	42.240.973.781
Hypkens Pharma Pte. Ltd	-	-		32.391.040.368	32.391.040.368
Kedrion S.P.A	-	-		31.877.962.155	31.877.962.155
Unichem	-	-		29.953.823.467	29.953.823.467
Kedrion International Gmbh	-	-		28.852.393.475	28.852.393.475
Hameln Pharma Plus Gmbh	-	-		24.643.186.425	24.643.186.425
Công ty CP Dược phẩm DTH	-	-		22.785.179.491	22.785.179.491
Getz	-	-		22.476.559.621	22.476.559.621
Công ty CP Otsuka OPV	27.843.267.549	27.843.267.549		20.907.960.907	20.907.960.907
Euro_Med Lab. Phil., Inc.	38.611.308.036	38.611.308.036		20.743.821.518	20.743.821.518
Ever Neuro Pharma Gmbh	31.939.205.205	31.939.205.205		19.181.294.004	19.181.294.004
Bosch Pharmaceuticals (PVT) Ltd	36.878.633.869	36.878.633.869		-	-
Các đối tượng khác	974.355.738.858	974.355.738.858		856.326.794.496	856.326.794.496
Cộng	1.423.986.949.212	1.423.986.949.212		1.468.407.136.482	1.468.407.136.482

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	102.153.050.572	103.023.294.900
Công ty TNHH EVD Dược phẩm và Y tế	15.176.374.468	23.246.478.581
BQL Dự án Quỹ toàn cầu phòng chống HIV/AIDS	28.940.287.471	21.367.655.006
Công ty TNHH Dược phẩm Văn Lang	-	3.711.517.247
Công ty TNHH Dược phẩm Ân Đức	-	2.987.765.635
Công ty CP Dược phẩm Quận 3	-	2.984.758.954
Eiffel pharma Corporation	-	2.596.791.951
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	-	2.392.603.682
Công ty CP Hồng Danh	-	2.344.888.000
Công ty TNHH DMP Thanh Hằng	-	2.312.749.843
Công ty CP Dược phẩm Green	-	1.975.866.772
Công ty CP Thương mại dược phẩm Sao Mai	-	1.407.588.000
Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	11.021.447.951	1.117.114.307
Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Vạn Xuân	-	1.083.192.000
Công ty TNHH Dược phẩm Châu Anh	-	1.023.983.520
Các đối tượng khác	47.014.940.682	32.470.341.402
Cộng	102.153.050.572	103.023.294.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải nộp		
Thuế GTGT hàng bán nội địa	202.945.506	1.031.755.374
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	94.477.424	564.637.062
Thuế xuất nhập khẩu	-	379.179.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.116.685.582	10.574.271.286
Thuế thu nhập cá nhân	1.430.849.829	1.026.902.427
Thuế tài nguyên	-	363.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	773.461.847	10.436.779.785
Các loại thuế khác	37.172	207.620.518
Cộng	6.618.457.360	24.221.508.486
b. Phải thu		
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.251.209.234	5.681.626.746
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.981.016.491	3.154.322.106
Thuế xuất nhập khẩu	527.382.624	941.576.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.000.000	567.691.467
Thuế thu nhập cá nhân	272.657.228	564.328.418
Cộng	4.077.265.577	10.909.544.995
14. Chi phí phải trả		
	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	19.548.350.141	6.025.687.078
Chi phí tiền thuê đất	-	974.081.455
Trích trước Phí kiểm toán BCTC	50.000.000	200.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	38.935.736	1.333.333
Chi phí chiết khấu và chi phí nhập khẩu	-	2.395.121.014
Chi phí cổ phần hóa	250.000.000	-
Chi phí lãi phải trả cho nhà đầu tư	10.319.042.098	-
Chi phí sửa chữa trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty tại số 12 Ngô Tất Tố	7.002.321.819	-
Chi phí tiền thuê đất tại 95 Láng Hạ	1.040.201.163	-
Các chi phí khác	847.849.325	2.455.151.276
Cộng	19.548.350.141	6.025.687.078

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. Phải trả khác

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	404.205.400.450	311.731.449.343
Tài sản thừa chờ xử lý	-	3.350.000
Kinh phí công đoàn	479.508.392	491.272.197
Bảo hiểm xã hội	143.519.090	28.647.836
Bảo hiểm y tế	24.839.851	88.325.404
Bảo hiểm thất nghiệp	11.039.930	321.961
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.985.659.100	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.503.430.869	72.430.000
Hỗ trợ di dời	40.000.000.000	-
Phải trả hàng ủy thác	271.970.649.995	251.331.113.534
<i>Actavis International Ltd</i>	26.985.474.276	39.721.510.689
<i>Gelnova Laboratories</i>	-	6.399.902.362
<i>Hetero Labs Limited</i>	-	2.190.580.000
<i>MI Pharma Private Limited</i>	-	4.628.473.505
<i>Liqvor Cjsc</i>	2.586.388.995	8.848.721.862
<i>Techno Drugs Ltd</i>	-	5.938.975.127
<i>Delta Pharma Limited</i>	17.383.578.354	1.068.677.518
Các đối tượng khác	225.015.208.370	182.534.272.471
Các khoản phải trả, phải nộp khác	70.086.753.223	59.715.988.411
b) Dài hạn	205.125.842	685.125.842
Nhận đặt cọc của các cửa hàng	-	685.125.842
Các khoản phải trả, phải nộp khác	205.125.842	-
Cộng	404.410.526.292	312.416.575.185

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. Vay và nợ thuế tài chính

	07/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	1.184.834.777.086	1.184.834.777.086	4.127.394.815.213	4.184.326.616.701	1.241.766.578.574	1.241.766.578.574	
Vay ngân hàng	1.104.991.550.842	1.104.991.550.842	4.049.504.129.473	4.094.760.740.545	1.150.248.161.914	1.150.248.161.914	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	557.609.861.438	557.609.861.438	2.047.515.448.193	1.875.304.982.749	385.399.395.994	385.399.395.994	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	50.731.241.775	50.731.241.775	105.319.320.726	142.498.403.903	87.910.324.952	87.910.324.952	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	117.603.008.443	117.603.008.443	556.502.130.923	686.162.065.350	247.262.942.870	247.262.942.870	
Ngân hàng TMCP Quân đội	331.738.193.241	331.738.193.241	1.084.284.697.860	1.088.326.239.590	335.779.734.971	335.779.734.971	
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	47.309.245.945	47.309.245.945	255.882.531.771	271.385.821.378	62.812.535.552	62.812.535.552	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam VIB	-	-	-	31.083.227.575	31.083.227.575	31.083.227.575	
Vay ngắn hạn cá nhân	79.843.226.244	79.843.226.244	77.890.685.740	89.565.876.156	91.518.416.660	91.518.416.660	
b) Vay dài hạn	53.400.000.000	53.400.000.000	53.400.000.000	78.405.053.260	78.405.053.260	78.405.053.260	
Vay ngân hàng	53.400.000.000	53.400.000.000	53.400.000.000	78.405.053.260	78.405.053.260	78.405.053.260	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	78.405.053.260	78.405.053.260	78.405.053.260	
Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam	24.400.000.000	24.400.000.000	24.400.000.000	-	-	-	
Cộng	1.238.234.777.086	1.238.234.777.086	4.180.794.815.213	4.262.731.669.961	1.320.171.631.834	1.320.171.631.834	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2015	446.389.895.639	952.741.809.572	631.296.622.873	2.030.428.328.084	
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	346.519.049.932	346.519.049.932	346.519.049.932
Tăng do điều chỉnh cơ cấu vốn (ii)	3.322.000.000	-	-	3.322.000.000	3.322.000.000
Tăng khác	750.030.852	-	170.535.380.713	171.285.411.565	171.285.411.565
Nộp quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	(5.185.664.811)	(5.185.664.811)	(5.185.664.811)
Phải trả Tổng Công ty Dược Việt Nam	-	-	(1.309.732.567)	(1.309.732.567)	(1.309.732.567)
Trích các quỹ	-	-	(65.378.600.591)	(65.378.600.591)	(65.378.600.591)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(62.757.471.301)	(62.757.471.301)	(62.757.471.301)
Giảm khác (iii)	(1.287.642.402)	(118.613.006.734)	(106.987.556.274)	(226.888.205.410)	(226.888.205.410)
Số dư ngày 01/01/2016	449.174.284.089	834.128.802.838	906.732.027.974	2.190.035.114.901	
Tăng vốn trong kỳ này (i)	571.550.000	-	-	571.550.000	571.550.000
Lãi trong kỳ này	-	-	641.634.210.844	641.634.210.844	641.634.210.844
Tăng khác	-	-	(548.077.331.266)	(548.077.331.266)	(548.077.331.266)
Giá trị lợi ích nhận được từ hợp đồng hợp tác tại Dự án 60B Nguyễn Huy Tường	-	60.000.000.000	(15.358.294.379)	44.641.705.621	44.641.705.621
Phân phối lợi nhuận	-	-	(71.670.031.142)	(71.670.031.142)	(71.670.031.142)
Giảm khác	-	-	101.101.936	101.101.936	101.101.936
Nộp lợi nhuận sau thuế về Tổng cục thuế	-	-	(81.530.575.474)	(81.530.575.474)	(81.530.575.474)
Số dư ngày 07/12/2016	449.745.834.089	894.128.802.838	831.831.108.493	2.175.705.745.421	

(i) Tăng vốn nhà nước từ thu hồi số cổ phần trả chậm của người lao động tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vốn nhà nước	449.745.834.089	449.174.284.089
Cộng	449.745.834.089	449.174.284.089

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	449.174.284.089	446.389.895.639
+ Vốn góp tăng trong kỳ	571.550.000	4.072.030.852
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	(1.287.642.402)
+ Vốn góp cuối kỳ	449.745.834.089	449.174.284.089

17.4 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	07/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	628.608.137.377	101.281.826.111	142.147.601.571	587.742.361.917
Cộng	628.608.137.377	101.281.826.111	142.147.601.571	587.742.361.917

17.5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Đánh giá lại theo các biên bản xác định giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt	834.128.802.838	834.128.802.838
Giá trị lợi ích nhận được từ Dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng (*)	60.000.000.000	-
Cộng	894.128.802.838	834.128.802.838

(*) Giá trị lợi ích nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 ngày 07/07/2010 giữa Tổng Công ty Dược Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVC - Vinapharm" tại 60B Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo dự thảo chứng thư thẩm định giá số ngày 28/02/2017 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Giá trị này có thể thay đổi khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Doanh thu	6.122.122.112.652	7.380.800.481.020
Doanh thu bán hàng hóa	5.619.558.972.423	6.786.166.778.534
Doanh thu bán thành phẩm	406.154.662.104	550.927.462.976
Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.408.478.125	43.706.239.510
Cộng	6.122.122.112.652	7.380.800.481.020

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	422.136.531	21.030.680.782
Giảm giá hàng bán	2.939.596.973	9.689.811.564
Hàng bán bị trả lại	82.650.060.229	68.962.382.114
Cộng	86.011.793.733	99.682.874.460

20. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	5.141.110.312.629	6.156.927.524.069
Giá vốn thành phẩm	343.038.213.010	438.507.656.204
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.883.203.750	8.947.529.724
Cộng	5.487.031.729.389	6.606.451.983.816

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	43.511.485.658	32.254.398.939
Cổ tức và lợi nhuận được chia	262.704.809.000	94.615.404.925
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác	10.266.347.806	11.268.266.090
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu	5.279.292.500	34.940.767.340
Lãi bán hàng trả chậm	6.383.959.554	7.715.093.489
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.024.975.247	44.448.904.905
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	3.694.041.669	1.082.077.137
Doanh thu hoạt động tài chính khác	108.341.038	3.039.401.536
Cộng	344.973.252.472	229.364.314.361

22. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	66.643.262.368	93.805.081.029
Chiết khấu thanh toán	1.010.552.613	85.640.659
Chi phí hoạt động tài chính khác	312.988.267	3.071.661.766
Chi phí lãi phải trả cho nhà đầu tư (*)	10.319.042.098	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm	20.958.194.297	61.934.440.708
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm	3.144.842.688	6.550.035.262
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	-	190.399.873
Cộng	102.388.882.331	165.637.259.297

(*) Là chi phí lãi vay được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT - BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính trong trường hợp thời gian tính từ ngày hết hạn nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phần đến thời điểm công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kéo dài trên 3 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

23. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ bán thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	16.479.502	1.751.985.757
Tiền thưởng, bồi thường	4.018.342.724	8.303.719.142
Thu nhập từ hỗ trợ	2.980.836.225	-
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	198.000.000
Thu tiền điện nước cho thuê nhà	-	48.195.838
Thuế nhập khẩu được hoàn	223.380.684	547.592.534
Thu nhập từ công nợ không phải trả khách hàng	1.420.230.000	2.265.379.356
Thu nhập từ đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính (*)	190.462.447.887	-
Các khoản thu nhập khác	1.145.442.057	2.886.857.333
Cộng	200.267.159.079	16.001.729.960

(*) Là khoản thu nhập do đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo dự thảo chứng thư thẩm định giá ngày 06/03/2017 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Giá trị này có thể thay đổi khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

24. Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Lỗ từ việc thoái vốn	-	2.700.000.000
Thuế nhập khẩu	-	118.971.749
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ	93.541.091	190.926.641
Phạt, truy thu thuế	2.285.704.461	391.726.004
Các khoản bị phạt hành chính	12.500.000	90.000.000
Chi phí khác	1.508.001.961	472.592.270
Cộng	3.899.747.513	3.964.216.664

25. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	115.902.801.987	187.972.211.866
Chi phí nhân viên quản lý	30.121.911.967	42.583.532.707
Chi phí vật liệu quản lý	1.695.980.957	6.586.905.162
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.349.272.905	6.150.437.871
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.873.472.080	7.324.543.155
Thuế, phí và lệ phí	11.831.412.489	31.718.161.883
Chi phí dự phòng	6.257.890.804	20.556.962.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.900.797.042	38.975.985.977
Chi phí bằng tiền khác	19.872.063.743	34.075.682.851
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	329.182.386.085	361.104.910.941
Chi phí nhân viên	132.314.677.901	148.947.775.925
Chi phí vật liệu bao bì	499.244.821	212.897.812

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.304.961.453	7.660.981.337
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.887.990.627	15.185.144.437
Chi phí bảo hành	9.805.000	8.170.405.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.334.969.551	72.805.636.885
Chi phí bằng tiền khác	68.830.736.732	108.122.068.914

26. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	58.353.241.469	557.054.799.916
Chi phí nhân công	173.852.195.271	218.532.509.051
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.354.836.494	5.556.573.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.442.522.870	38.580.172.166
Thuế, phí và lệ phí	4.137.770.655	6.017.171.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.777.608.815	112.618.843.578
Chi phí khác bằng tiền	82.893.445.135	220.172.776.986
Cộng	491.811.620.709	1.158.532.846.362

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

27. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND	Năm 2015 VND
Tăng vốn đầu tư của Chủ sở hữu:	571.550.000	2.784.388.450
- Tăng vốn nhà nước từ thu hồi số cổ phần trả chậm của người lao động tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2	571.550.000	-
- Tăng do điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ ở các công ty con.	-	3.322.000.000
- Chênh lệch vốn cấp cho Trung tâm Dịch vụ Thương Mại Dược Mỹ phẩm	-	750.030.852
- Giảm giá trị còn lại của các tài sản được điều chuyển theo Quyết định 118/QĐ-BTC về việc thu hồi cơ sở nhà, đất tại 138 Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của Tổng Công ty Dược Việt Nam giao cho Bộ Y tế quản lý, sử dụng làm trụ sở làm việc.	-	(1.287.642.402)
Lãi chênh lệch đánh giá lại khoản vay	151.461.244	-
Lãi chênh lệch đánh giá lại khoản phải trả	2.528.264.025	-
Phân loại lại khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng đầu kỳ sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	281.300.000.000	-
Tăng quỹ đầu tư phát triển từ lợi ích nhận được từ các công ty liên kết	57.606.895.524	-
Tăng đầu tư vào đơn vị khác do đánh giá lại khi cổ phần hóa	14.170.473.553	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần ngày 27/11/2016 và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109385 thay đổi lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 12 năm 2016 thì Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV chuyển đổi thành Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần với vốn điều lệ là 2.370.000.000.000 đồng và Ông Đinh Xuân Hân được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc, Ông Lê Văn Sơn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần. Do có sự thay đổi loại hình Công ty nêu trên nên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016 sẽ được đóng dấu Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần và người ký duyệt Báo cáo tài chính là Ông Đinh Xuân Hân với chức danh Tổng Giám đốc.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/12/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Công ty Cổ phần Dược Danapha
Công ty Cổ phần Dược Sanofi - Synthelabo
Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1-Pharbaco
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex
Công ty Cổ phần Y dược phẩm Việt Nam
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái
Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2
Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha
Công ty Cổ phần Bao bì Dược

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư dài hạn khác

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.865.789.124	39.368.903.739
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	10.344.483.454	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	1.283.723.505	1.135.672.842
Công ty Cổ phần Dược Danapha	-	285.714.285
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	1.654.415.203	5.308.081.298
Công ty Cổ phần Dược phẩm VCP	-	2.089.369.400
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	186.678.570	2.167.792.200
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	1.036.103.250	7.363.447.875
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.478.203.500	20.824.981.387
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha	746.618.741	35.112.560
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	135.562.901	158.731.892
Mua hàng	11.940.594.934	9.073.890.557
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	36.575.669	1.503.996.741
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	133.629.090	2.284.626.960
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	2.100.603	3.416.406.649
Công ty Cổ phần Hoá dược Việt Nam	159.350.000	181.108.000
Công ty Cổ Phần Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA	4.893.599.763	974.671.207
Công ty Cổ Phần Dược Danapha	9.500.000	511.114.401
Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	651.015.917	201.966.599
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	6.045.071.492	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	9.752.400	-
Doanh thu hoạt động tài chính	262.294.561.400	93.951.945.825
Cổ tức được chia	262.294.561.400	84.232.378.311
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	-	2.185.664.811
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	810.000.000	720.000.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha	5.832.250.000	6.415.475.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo	209.357.341.000	20.999.720.000
Công ty Cổ phần Hóa dược phẩm Mekophar	10.585.080.000	8.820.900.000
Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	3.360.000.000	2.688.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	13.748.894.000	12.374.004.600
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	1.826.264.000	7.221.312.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	231.059.000	442.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	2.159.998.400	2.159.998.400
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	1.070.625.000	856.500.000
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd	540.414.000	675.517.500
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	7.125.300.000	10.687.950.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	166.670.000	166.670.000
Công ty Cổ phần Y dược phẩm Việt Nam	80.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex	3.159.666.000	3.159.666.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	756.000.000	3.024.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	1.485.000.000	1.485.000.000

Số dư với các bên liên quan

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	5.854.731.195	32.208.763.865
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1-Pharbaco	280.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2	5.566.440.395	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	-	3.687.138.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	-	28.109.125.865
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2	-	412.500.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	8.290.800	-
Người mua trả tiền trước	527.500.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1-Pharbacor	527.500.000	-
Các khoản phải thu khác	16.621.136.069	8.960.072.782
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	124.931.507	187.397.260
Công ty Cổ phần Dược Danapha	7.380.743.151	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	8.735.735.384	7.989.477.164
Công ty Cổ phần Dược phẩm VCP	-	783.198.358
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco-Tenamyd	379.726.027	-
Phải trả người bán	6.668.826.578	714.495.751
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbacor	1.898.929.460	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm VCP	-	470.565.440
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	1.582.732.578	31.144.396
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	53.055.030	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương 25	-	5.879.967
Công ty Cổ phần Hóa dược phẩm Mekophar	9.570.750	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha	3.111.615.360	110.397.415
Công ty Cổ phần Dược Danapha	9.975.000	1.496.250
Công ty Cổ phần Hoá dược Việt Nam	-	17.976.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	2.948.400	-

3. Các thông tin khác

3.1 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hoá - dược phẩm MEKOPHAR	-	23.494.943.362
Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	24.027.331.618	21.917.208.364
Công ty Cổ phần Bao Bì Dược	-	2.527.876.828
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	-	8.506.844.610
Công ty Cổ phần Dược Danapha	18.665.018.228	13.146.495.857
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi- Synthelabo Việt Nam	87.761.551.489	99.616.724.109
Công ty Cổ phần Dược Danapha- Nanosome	207.975.044	9.607.973
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3	5.587.841.816	4.170.728.147
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	(2.049.676.988)	5.804.050
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	2.273.697.759	596.804.552
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	932.750.165	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Phabarco	56.121.118	-
Cộng	137.462.610.249	173.993.037.852

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty Dược Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không so sánh được do khác kỳ kế toán.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2017

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV
(Nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần)

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng

Tổng Giám đốc



Đinh Xuân Hán

